

## ĐA DẠNG CÂY THUỐC Ở XÃ MƯỜNG LỒNG HUYỆN KỶ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

Lê Thị Hương<sup>1\*</sup>, Hoàng Thanh Sơn<sup>2</sup>, Nguyễn Tiến Cường<sup>1</sup>,  
Đậu Bá Thìn<sup>3</sup>, Nguyễn Xuân Trường<sup>4</sup>

<sup>1</sup>*Viện Sư phạm Tự nhiên, Trường Đại học Vinh*

<sup>2</sup>*Viện Nghiên cứu Lâm Sinh*

<sup>3</sup>*Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Hồng Đức*

<sup>4</sup>*BQL Rừng phòng hộ Kỳ Sơn*

### TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu cây thuốc ở xã Mường Lồng huyện Kỳ Sơn, bước đầu đã xác định được 91 họ, 185 chi và 231 thuộc 4 ngành thực vật bậc cao có mạch (Equisetophyta, Polypodiophyta, Pinophyta và Magnoliophyta). Trong đó, ngành Magnoliophyta là đa dạng nhất với 217 loài thuộc 175 chi và 81 họ. Nhóm cây được sử dụng nhiều nhất là cây thân thảo với 76 loài, tiếp đến là cây thân bụi với 70 loài, cây thân gỗ với 47 loài, thấp nhất cây thân leo với 38 loài. Môi trường sống ở rừng với 123 loài, nương rẫy với 91 loài, khe suối với 54 loài, đồi với 35 loài, vườn nhà với 30 loài. Đã điều tra được 15 nhóm cây thuốc dùng để chữa bệnh, trong đó bệnh thời tiết là cao nhất với 78 loài, bệnh xương khớp với 71 loài, bệnh ngoài da với 56 loài, bệnh tiêu hóa với 63 loài, động vật cắn 30 loài, bệnh phụ nữ 21 loài, hô hấp 18 loài, bệnh dạ dày 12 và các bệnh khác 35. Có 15 loài cây thuốc ở xã Mường Lồng có nguy cơ bị tuyệt chủng được ghi trong Sách đỏ Việt Nam (2007), 2 loài rất nguy cấp (CR), 5 loài nguy cấp (EN), 8 loài sẽ nguy cấp (VU).

**Từ khóa:** Cây thuốc,  
đa dạng, Mường  
Lồng, Nghệ An

### Diversity of medicinal plants in Muong Long commune, Ky Son district, Nghe An province

Research results of medicinal plants in Muong Long commune, Ky Son district, have been identified 231 species belonging to 185 genera and 91 families of 4 divisions (Equisetophyta, Polypodiophyta, Pinophyta and Magnoliophyta). Magnoliophyta was found the richest with 217 species (93.93%). Highest number of species were herbs with 76 species (32.90%), followed by Shrubs (70 species), trees (47 species). The vines were the lowest with 38 species. Medicinal plants of Muong Long were identified which are able to cure 9 diseases groups. Among these, 4 groups used with the largest number of species: fever and lung diseases (78 species), related to the musculoskeletal system diseases (71 species), diseases of the digestive system (63 species), skin diseases (56 species). There are 15 species are listed in the Red data Book of Vietnamese (2007).

**Keywords:** Diversity,  
medicinal, Muong  
Long, Nghe An

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kỳ Sơn là một huyện thuộc khu vực miền núi phía Tây Nam Nghệ An, có tọa độ địa lý từ 19°08' - 19°41' vĩ độ Bắc từ 103°51' - 104°26' kinh độ Đông. Tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện là 209ha chiếm 12,69% tổng diện tích tự nhiên của toàn tỉnh. Huyện Kỳ Sơn có 20 xã và 01 thị trấn, phân bố trên diện tích rộng, trung tâm huyện cách thành phố Vinh 250km, xa xa nhất cách trung tâm huyện 70km. Huyện có 10 xã tiếp giáp với Lào với tổng chiều dài đường biên là 192km. Xã Mường Lống nằm trong tọa độ địa lý từ 19°27' - 19°36' vĩ độ Bắc và 104°19' - 104°28' kinh độ Đông. Cách thị trấn Mường Xén khoảng, 40km cách Tp. Vinh khoảng 290km. Các xã tiếp giáp với xã Mường Lống là Huội Tụ, Bảo Nam, Bảo Thắng, Mỹ Lý thuộc huyện Kỳ Sơn và các xã Luận Mai, Mai Sơn thuộc huyện Tương Dương. Mường Lống hiện nay đã được đầu tư trồng thành vùng nguyên liệu để trồng cây dược liệu ở Nghệ An. Tuy nhiên chưa có công trình nào thống kê, đánh giá về tài nguyên cây thuốc ở đây. Bài báo này cung cấp những kết quả điều tra cây thuốc để góp phần phát hiện, gây trồng và bảo tồn nguồn gen cây thuốc quý ở Mường Lống nói riêng và Nghệ An nói chung.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp thu thập mẫu vật: Mẫu vật được thu thập theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007 và R.M. Klein - D. T. Klein, 1979. Được thực hiện từ tháng 6/2014 - 12/2016.

- Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn trực tiếp các ông lang, bà má bằng phiếu điều tra để thu thập các thông tin về phân bố, cách sử dụng, bộ phận dùng,...

- Định loại: Sử dụng phương pháp hình thái so sánh và dựa vào các khoá định loại, các bản mô tả trong các tài liệu: Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999). Sắp xếp danh lục thực vật theo Brummitt, 1992. Chính lý tên khoa học dựa vào tài liệu Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Nguyễn Tiến Bân, 2003, 2005). Đánh giá các loài thực vật nguy cấp dựa vào Sách Đỏ Việt Nam (Nguyễn Tiến Bân, 2007). Đánh giá tính đa dạng về các nhóm bệnh dựa vào Từ điển cây thuốc (Võ Văn Chi, 2012) và Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam (Đỗ Tất Lợi, 2003).

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Đa dạng về taxon

Kết quả điều tra, bước đầu đã thống kê được 91 họ, 185 chi và 231 loài thuộc 4 ngành thực vật bậc cao có mạch (Magnoliophyta, Pinophyta, Polypodiophyta, Equisetophyta) (bảng 1).

**Bảng 1.** Phân bố các ngành thực vật làm thuốc ở Mường Lống

Ngành	Họ		Chi		Loài	
	Số họ	Tỉ lệ %	Số chi	Tỉ lệ %	Số loài	Tỉ lệ %
Equisetophyta	1	1,10	1	0,54	1	0,43
Polypodiophyta	5	5,49	5	2,70	8	3,46
Pinophyta	4	4,40	4	2,16	5	2,16
Magnoliophyta	81	89,01	175	94,59	217	93,94
Tổng số	91	100	185	100	231	100

Bảng 1 cho thấy, cây thuốc ở Mường Lống phân bố không đồng đều trong các ngành thực vật. Hầu hết các taxon tập trung trong ngành

Ngọc lan (Magnoliophyta) với 81 họ chiếm 89,01%, 175 chi chiếm 94,59% và 217 loài chiếm 93,94%. Các ngành còn lại chiếm tỷ lệ

không đáng kể về số họ, chi và loài, điều này hoàn toàn hợp lý bởi vì ngành Ngọc lan là 1 ngành đa dạng với số loài, chi, họ chiếm ưu thế so với các ngành còn lại và phù hợp với quy luật phân bố trong tự nhiên của thực vật.

Để thấy rõ hơn sự đa dạng 2 lớp trong ngành Ngọc lan, tiến hành khảo sát sâu hơn về ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), kết quả được thể hiện qua bảng 2.

**Bảng 2.** Số lượng họ, chi, loài trong ngành Ngọc lan (Mognoliophyta)

Lớp	Họ		Chi		Loài	
	Số họ	Tỷ lệ %	Số chi	Tỷ lệ%	Loài	Tỷ lệ %
Magnoliopsida	70	86,42	159	90,86	196	90,32
Liliopsida	11	13,58	16	9,14	21	9,68
Tổng	81	100	175	100	217	100

Qua bảng 2 cho thấy, lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có số lượng loài là 196 chiếm 90,32%; thuộc 70 họ chiếm 86,42% và 159 chi chiếm 90,86% so với tổng số loài thực vật toàn ngành; lớp Hành (Liliopsida) chiếm các tỷ lệ về số chi và loài thấp hơn 10% và tỷ lệ họ thấp hơn 20%. Điều này cũng hoàn toàn hợp lý bởi vì lớp Ngọc lan luôn chiếm tỷ lệ cao so với lớp Hành.

**3.2. Đa dạng về dạng thân**

Đối với mỗi loài cây đều có sự thích nghi với môi trường và được thể hiện qua dạng thân.

Vì vậy, việc phân tích đa dạng về dạng thân của các cây thuốc cho ta thấy nguồn nguyên liệu để dễ dàng trong việc bảo vệ, gây trồng cũng như việc khai thác và sử dụng. Căn cứ vào những dấu hiệu thích nghi của từng loài thực vật đó để làm cơ sở phân loại dạng thân. Kết quả điều tra, phân loại và phân tích đa dạng về dạng thân của cây thuốc tại Mường Lống với 4 nhóm dạng chính được trình bày trong bảng 3.

**Bảng 3.** Dạng thân của các cây thuốc ở Mường Lống

Dạng thân	Cây leo	Cây thảo	Cây gỗ	Cây bụi
Số lượng loài	38	76	47	70
Tỷ lệ%	16,45	32,90	20,35	30,30

Từ kết quả bảng 3 cho thấy, cây thuốc ở Mường Lống có 4 dạng thân chính với nhóm cây thân thảo có số lượng là 76 loài chiếm 32,90% so với tổng số loài cây thuốc điều tra được. Những loài này thường sống trong rừng, dưới tán rừng, ven rừng, ven đường, ven suối. Các họ cây có nhiều thân thảo như Asteraceae (12 loài), Lamiaceae (9 loài); tiếp đến là các loài thuộc nhóm thân cây bụi với 70 loài chiếm 30,30% tổng số loài tập trung ở các họ Fabaceae (10 loài), Rutaceae (8 loài), Malvaceae

(5 loài),... Nhóm cây thân gỗ có 47 loài chiếm 20,35% tổng số loài chủ yếu thuộc các họ Rosaceae (5 loài), Fabaceae (5 loài),...; nhóm cây thân leo, với 38 loài chiếm 16,45% tổng số loài, các họ điển hình Menispermataceae (5 loài), Cucurbiaceae (5 loài),...

**3.3. Đa dạng về bộ phận sử dụng**

Trong việc sử dụng cây thuốc theo kinh nghiệm dân gian thì các bộ phận của cây thuốc

được dùng để chữa các bệnh khác nhau tùy theo cách vận dụng ở các bài thuốc của các ông lang, bà mẹ. Kinh nghiệm về sử dụng cây thuốc cũng rất khác nhau, có bài thuốc sử dụng toàn cây (rễ, thân, lá, quả, hạt...), 3 bộ phận, 2 bộ phận hoặc 1 bộ phận trong cây (bảng 4).

**Bảng 4.** Số lượng bộ phận được sử dụng làm thuốc

Số bộ phận được sử dụng	Số lượng*	Tỷ lệ %
Toàn cây (cả cây)	61	26,41
4 bộ phận	18	7,79
3 bộ phận	22	9,52
2 bộ phận	63	27,27
1 bộ phận	70	30,30

\*1 loài có thể cho nhiều bộ phận sử dụng khác nhau.

Qua bảng 4, cho ta thấy khi sử dụng các bộ phận làm thuốc thì dân thường lấy 1 bộ phận với 70 loài chiếm 30,30% tổng số loài; cả cây với 61 loài chiếm 26,41%; 2 bộ phận với 63

loài chiếm 27,27%; 3 bộ phận với 22 loài chiếm 9,52% và thấp nhất là 4 bộ phận với 18 loài chiếm 7,79% tổng số loài. Tùy thuộc vào loại bệnh; mức độ nặng, nhẹ mà lựa chọn các bộ phận sử dụng làm thuốc cho phù hợp. Từ kết quả trên cũng cho ta thấy rằng kinh nghiệm sử dụng thuốc rất nhiều và thấy rằng thực vật đa dạng và có ý nghĩa về bộ phận sử dụng.

### 3.4. Đa dạng về môi trường sống

Môi trường sống của các cây thuốc vùng nghiên cứu rất phong phú, có những cây sống ven rừng, trong rừng sâu, có nhiều cây sống ở các vùng đồi, núi đá vôi, cạnh khe suối, ven đường, trong vườn nhà... Căn cứ vào môi trường sống, vào địa hình, đất đai, khí hậu mà sự phân bố của các loài cây thuốc sống trong 5 môi trường chính gồm: Rừng (rừng thứ sinh); đồi (trảng cây bụi); nương rẫy, ven đường, vườn nhà; khe suối (bảng 5).

**Bảng 5.** Phân bố của các loài cây thuốc theo môi trường sống

TT	Môi trường sống	Số loài*	Tỷ lệ %
1	Rừng (Ven rừng, rừng thứ sinh, rừng nguyên sinh)	123	53,25
2	Đồi (Đồi núi, trảng cây bụi)	35	15,15
3	Nương rẫy (nương rẫy, ven đường)	91	39,39
4	Khe suối	54	23,38
5	Vườn nhà	30	12,99

\*1 loài có thể phân bố ở nhiều môi trường sống khác nhau.

Kết quả theo bảng 5 ta thấy, số lượng cây thuốc ở xã Mường Lống phân bố không đồng đều trên các môi trường sống, môi trường rừng có số loài nhiều nhất là 123 loài chiếm 53,25% tổng số loài; tiếp đến là nương rẫy với 91 loài chiếm 39,39%; khe suối với 54 loài chiếm 23,38%; sống ở đồi với 35 loài chiếm 15,15% và thấp nhất là vườn nhà với 30 loài chiếm 12,99%.

### 3.5. Đa dạng về các nhóm bệnh

Trong kinh nghiệm dân gian thì một loài có thể có tác dụng với nhiều loại bệnh và ngược lại phải dùng nhiều loài mới chữa được một bệnh. Kết quả nghiên cứu đã thống kê về việc sử dụng các cây thuốc dân tộc để chữa bệnh theo các nhóm bệnh được trình bày qua bảng 6.

**Bảng 6.** Đa dạng về các nhóm bệnh được chữa trị ở khu vực nghiên cứu

TT	Các nhóm bệnh	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Bệnh ngoài da (nhiễm trùng, lở, mụn nhọt...)	56	24,24
2	Bệnh về xương, khớp (gãy xương, bong gân...)	71	30,74
3	Bệnh về tiêu hóa (tả, lỵ, ngộ độc...)	63	27,27
4	Bệnh do thời tiết (cảm nóng, lạnh, đau đầu...)	78	33,77
5	Bệnh về phụ nữ (đẻ, dạ con...)	21	9,09
6	Hô hấp (ho, phế quản, phổi...)	18	7,79
7	Động vật cắn (sên, vắt cắn...)	30	12,99
8	Bệnh dạ dày	12	5,19
9	Các bệnh khác	35	15,15

Từ bảng 6 cho thấy, cây thuốc của người dân xã Mường Lống được sử dụng để chữa được nhiều nhóm bệnh khác nhau. Trong đó, nhiều nhất là các bệnh về thời tiết với 78 loài chiếm 33,77% tổng số loài; nhóm bệnh xương khớp với 71 loài chiếm 30,74%; nhóm bệnh ngoài da với 56 loài chiếm 24,24%; nhóm bệnh về

tiêu hóa với 63 loài chiếm 27,27%; các nhóm bệnh còn lại chiếm số lượng không đáng kể.

**3.6. Các loài cây thuốc có nguy cơ tuyệt chủng**

Theo Sách đỏ Việt Nam, 2007, ở xã Mường Lống, đã xác định được 15 loài cây thuốc có nguy cơ tuyệt chủng (bảng 7).

**Bảng 7.** Các loài thực vật nguy cấp ở Mường Lống

TT	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	Họ	Tình trạng
1.	<i>Acanthopanax trifoliatum</i> (L.) Voss.	Ngũ gia bì gai	Araliaceae	EN
2.	<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Lan kim tuyến	Orchidaceae	EN
3.	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Lá khô	Myrsinaceae	VU
4.	<i>Aristolochia kwangsiensis</i> Chun & How ex Liang	Mã đậu linh quảng tây	Aristolochiaceae	EN
5.	<i>Cephalotaxus mannii</i> Hook.f.	Đỉnh tùng	Cephalotaxaceae	VU
6.	<i>Cinnamomum balansae</i> H. Lecomte	Gù hương	Lauraceae	VU
7.	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack.) Meisn.	Re hương	Lauraceae	CR
8.	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume.) Hook.f.	Đẳng sâm	Campanulaceae	VU
9.	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib	Hoàng tinh cách	Convallariaceae	VU
10.	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson	Hà thủ ô đỏ	Polygonaceae	VU
11.	<i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino	Dần toong	Curcubitaceae	EN
12.	<i>Keteleeria evelyniana</i> Mast.	Du sam núi đất	Pinaceae	VU
13.	<i>Panax stipuleanatus</i> H. T. Tsai & K. M. Feng	Tam thất hoang	Araliaceae	CR
14.	<i>Rauwolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Ba gác vòng	Apocynaceae	VU
15.	<i>Valeriana jatamansi</i> Jones	Sì tô	Valerianaceae	EN

Kết quả trên cho thấy, trong 15 loài thực vật nguy cấp thì ở mức Nguy cấp (EN) có 5 loài là

Ngũ gia bì gai (*Acanthopanax trifoliatum* (L.) Voss.), Lan kim tuyến (*Anoectochilus setaceus*

Blume), Mã đầu linh quang tây (*Aristolochia kwangsiensis* Chun & How ex Liang), Dền toong (*Gynostemma pentaphyllum* (Thunb.) Makino), Sỉ tô (*Valeriana jatamansi* Jones), đây là các loài cây thuốc quý hiện bị khai thác mạnh không chỉ ở khu vực mà hầu như khắp các vùng trên cả nước. Sẽ nguy cấp (VU) có 8 loài là: Khôi tía (*Ardisia silvestris* Pitard), Ba gác vòng (*Rauwolfia verticillata* (Lour.) Baill.), Đinh tùng (*Cephalotaxus mannii* Hook.f.), Gù hương (*Cinnamomum balansae* H. Lecomte), Đẳng sâm (*Codonopsis javanica* (Blume.) Hook.f.), Hoàng tinh cách (*Disporopsis longifolia* Craib), Hà thủ ô đỏ (*Fallopia multiflora* (Thunb.) Haraldson), Du sam núi đất (*Keteleeria evelyniana* Mast.) đây cũng là các loài cây thuốc quý đang bị khai thác mạnh. Rất nguy cấp (CR) có 3 loài Re hương (*Cinnamomum parthenoxylon* (Jack.) Meisn.), Tam thất hoang (*Panax stipuleanatus* H. T. Tsai & K. M. Feng). Đây là cơ sở để các ban ngành chức năng cần có chiến lược, chính sách để bảo tồn, khai thác các loài thực vật làm thuốc này có kế hoạch.

#### IV. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã xác định được 91 họ, 185 chi và 231 thuộc 4 ngành thực vật bậc cao

có mạch (Equisetophyta, Polypodiophyta, Pinophyta và Magnoliophyta). Trong đó, ngành Magnoliophyta là đa dạng nhất với 217 loài thuộc 175 chi và 81 họ.

Nhóm cây được sử dụng nhiều nhất là cây thân thảo với 76 loài, tiếp đến là cây thân bụi với 70 loài, nhóm cây thân gỗ với 47 loài, nhóm chiếm tỷ lệ thấp nhất là nhóm cây thân leo với 38 loài.

Môi trường rừng có số loài phong phú nhất với 123 loài, tiếp đến là nương rẫy với 91 loài, khe suối với 54 loài, đồi với 35 loài và thấp nhất là vườn nhà với 30 loài.

Trong các bộ phận của cây thuốc được sử dụng 1 bộ phận với 70 loài, 2 bộ phận với 63 loài, cả cây với 61 loài, 3 bộ phận với 22 loài và thấp nhất là 4 bộ phận với 18 loài.

Nhóm cây thuốc chữa các bệnh về thời tiết là cao nhất với 78 loài, bệnh xương khớp với 71 loài, bệnh ngoài da với 56 loài, bệnh tiêu hóa với 63 loài, động vật cắn 30 loài, bệnh phụ nữ 21 loài, hô hấp 18 loài, bệnh dạ dày 12 và các bệnh khác 35.

Có 15 loài cây thuốc ở xã Mường Lống có nguy cơ bị tuyệt chủng được ghi trong Sách đỏ Việt Nam (2007), 2 loài rất nguy cấp (CR), 5 loài nguy cấp (EN), 8 loài sẽ nguy cấp (VU).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brummitt R., K1992. Vascular Plant families and genera. Royal Botanic Gardens, Kew.
2. Đỗ Tất Lợi, 2003. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. NXB Y học - Hà Nội.
3. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh học. NXB Nông nghiệp - Hà Nội.
4. Nguyễn Tiên Bân, 2003 - 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. Tập II - III. NXB Nông nghiệp - Hà Nội.
5. Nguyễn Tiên Bân, 2007. Sách đỏ Việt Nam (Phần thực vật), Nxb. Khoa học và Công nghệ, Hà Nội.
6. Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây cỏ Việt Nam (3 tập). NXB Trẻ - TP Hồ Chí Minh.
7. R.M. Klein - D. T. Klein, 1979. Phương pháp nghiên cứu thực vật - Tập I. NXB Khoa học và Kỹ thuật - Hà Nội.
8. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam. Tập 1 - 2, NXB Y học - Hà Nội.

**Email tác giả chính:** lehuong223@gmail.com

**Ngày nhận bài:** 06/06/2017

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa:** 24/11/2017

**Ngày duyệt đăng:** 12/12/2017